

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
THÔNG TIN CHUNG	02-03
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06-36
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-36

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62/GPĐC-UBCK ngày 23/11/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/08/2012
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Công Sừ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông Lương Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đàm Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/12/2012
Ông Trần Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012 Miễn nhiệm ngày 19/11/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



Số: 227 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 30 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.428.151.628.714	1.083.455.889.893
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	739.501.000.366	153.344.465.161
111	1. Tiền		587.501.000.366	153.344.465.161
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.000.000.000	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	218.739.523.132	374.714.830.140
121	1. Đầu tư ngắn hạn		341.824.209.736	546.879.387.725
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(123.084.686.604)	(172.164.557.585)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	456.328.543.592	419.790.513.677
131	1. Phải thu của khách hàng		428.000.000	351.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.615.695.000	9.247.701.828
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		19.027.182.356	-
138	5. Các khoản phải thu khác		552.416.005.808	518.792.022.291
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(201.158.339.572)	(108.600.710.442)
140	IV. Hàng tồn kho	7	108.172.449	80.486.940
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.474.389.175	135.525.593.975
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		542.405.751	323.283.637
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	743.534.894	123.013.861.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.435.095.360	93.038.227.041
220	II. Tài sản cố định		10.826.259.715	16.866.536.590
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.246.911.842	6.120.395.954
222	- Nguyên giá		16.332.466.411	16.122.552.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.085.554.569)	(10.002.156.106)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	7.579.347.873	10.746.140.636
228	- Nguyên giá		19.096.841.419	18.710.729.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.517.493.546)	(7.964.588.502)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.000.000.000	66.306.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	66.900.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.800.000.000)	(594.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.608.835.645	9.865.690.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.380.813.977	6.830.839.546
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.764.175.530	2.301.929.567
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.463.846.138	732.921.338
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		717.504.023.705	433.202.777.332
310	I. Nợ ngắn hạn		717.479.023.705	433.061.630.516
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	312.000.000.000	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		64.893.070	73.073.451
313	3. Người mua trả tiền trước		1.299.000.000	1.266.849.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	650.040.320	260.781.100
315	5. Phải trả người lao động		149.378.026	1.152.610.250
316	6. Chi phí phải trả	17	12.244.439.776	19.739.735.489
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	389.441.675.515	158.564.326.971
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	456.804.432	222.908.779
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		519.376.000	455.364.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		520.368.366	1.298.068.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		133.048.200	27.913.110
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	141.146.816
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	116.146.816
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		774.082.700.369	743.291.339.602
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	774.082.700.369	743.291.339.602
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.442.463.283)	(378.233.824.050)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		4.211.954.590.000	2.790.827.910.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		3.265.750.330.000	1.821.130.210.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		40.695.450.000	109.915.160.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.225.054.880.000	1.711.215.050.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		506.584.120.000	660.957.000.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	170.000.010.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		506.584.120.000	490.956.990.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		332.117.400.000	275.717.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		274.000.000.000	17.600.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		58.117.400.000	258.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		100.663.800.000	33.023.300.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		2.031.700.000	1.993.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		98.632.100.000	31.030.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		6.838.940.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		6.838.940.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	55.424.990.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	40.256.680.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	40.256.680.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	15.111.310.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	15.111.310.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	57.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	57.000.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		15.999.260.000	16.304.280.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		30.000.000.000	216.010.850.000


Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng




Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu	21	365.883.972.595	225.902.054.093
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		21.221.589.791	8.266.049.010
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		273.263.660.814	81.680.256.888
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.617.376.868	3.379.742.116
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.358.663.158	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		14.795.834	111.890.266
01.9	Doanh thu khác		67.407.886.130	132.464.115.813
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	101.754.938	17.342.004
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	365.782.217.657	225.884.712.089
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	206.310.591.510	462.060.034.232
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		159.471.626.147	(236.175.322.143)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	128.939.367.324	145.182.169.322
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.532.258.823	(381.357.491.465)
31	8. Thu nhập khác		259.111.986	328.366.257
32	9. Chi phí khác		10.042	431.556.045
40	10. Lợi nhuận khác		259.101.944	(103.189.788)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.791.360.767	(381.460.681.253)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	308	(3.821)


Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngHoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		109.913.693.754	116.172.544.346
02	- Khấu hao tài sản cố định		6.669.642.457	7.472.250.550
03	- Các khoản dự phòng		62.683.758.149	203.474.699.278
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.493.921.973)	(173.222.750.565)
06	- Chi phí lãi vay		79.054.215.121	78.448.345.083
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		140.705.054.521	(265.288.136.907)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.487.955.260)	201.148.453.546
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		207.127.492.480	225.133.636.303
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		231.734.665.714	(129.047.232.759)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.230.903.455	(3.035.791.697)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(87.688.726.542)	(72.730.456.842)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		74.328.016	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.588.389.180)	(566.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		480.107.373.204	(44.385.528.356)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(629.365.582)	(1.272.783.122)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.136.364	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	135.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44.697.599.139	166.496.985.218
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.070.369.921	300.224.202.096
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.284.000.000.000	486.116.024.580
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.222.000.000.000)	(803.616.024.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.207.920)	(34.783.305.201)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		61.978.792.080	(352.283.305.201)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		586.156.535.205	(96.444.631.461)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		153.344.465.161	249.789.096.622
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>739.501.000.366</u>	<u>153.344.465.161</u>



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(378.233.824.050)	30.791.360.767	-	(347.442.463.283)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	743.291.339.602	30.791.360.767	-	774.082.700.369

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.232.552.000	1.500.000	-	108.234.052.000
Vốn khác của chủ sở hữu		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính		5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.125.266.033	(381.460.681.253)	(39.898.408.830)	(378.233.824.050)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	1.160.521.713.993	(377.331.965.561)	(39.898.408.830)	743.291.339.602


Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62/GPĐC-UBCK ngày 23/11/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	141 - 143 Đường Hàm Nghi, Phường Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

1105
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TOÁN

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm

2.8. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

105-Q.
CÔNG TY
KIỂM TRA
HÀ NỘI
KIỂM TRA
DÀN KẾ

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Công ty Chứng khoán	107.083.178	1.211.465.625.000
- Cổ phiếu	106.579.548	1.208.628.489.000
- Chứng chỉ quỹ	503.630	2.837.136.000
Của người đầu tư	1.103.374.846	13.133.154.494.000
- Cổ phiếu	1.086.436.296	11.724.866.388.000
- Trái phiếu	13.020.000	1.392.452.080.000
- Chứng chỉ quỹ	3.918.550	15.836.026.000
	<u>1.210.458.024</u>	<u>14.344.620.119.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	48.854.705	153.026.429
Tiền gửi ngân hàng của công ty	452.609.134.830	101.042.877.842
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	128.393.610.543	50.903.130.481
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	576.470.527	1.064.484.683
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	5.872.929.761	180.945.726
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	152.000.000.000	-
	<u>739.501.000.366</u>	<u>153.344.465.161</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			341.824.209.736	546.879.387.725	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	374.756.310.945
Cổ phiếu niêm yết			341.824.209.736	392.633.330.681	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	220.510.253.901
- ANV	200.000	-	2.231.342.310	-	-	-	(271.342.310)	-	1.960.000.000	-
- BSI	80.000	-	672.000.000	-	-	-	(360.000.000)	-	312.000.000	-
- CSM	55.000	-	1.192.875.211	-	83.124.789	-	-	-	1.276.000.000	-
- DNY	-	2.652.100	-	61.628.433.641	-	-	-	(14.951.473.641)	-	46.676.960.000
- EFI	44	713.044	601.522	9.222.001.925	-	-	(346.322)	(5.371.564.325)	255.200	3.850.437.600
- HPG	7	51.976	152.402	1.266.932.796	-	-	(5.402)	(357.352.796)	147.000	909.580.000
- ITA	33	450.004	200.955	4.028.799.893	-	-	(45.855)	(1.103.773.893)	155.100	2.925.026.000
- KLS	230	599.060	2.246.822	5.841.961.429	-	-	(291.822)	(1.109.387.429)	1.955.000	4.732.574.000
- L14	98.600	100.000	1.301.520.000	1.320.000.000	-	-	(788.800.000)	(470.000.000)	512.720.000	850.000.000
- LAF	9	24.999	146.031	415.322.926	-	-	(110.931)	(55.337.326)	35.100	359.985.600
- LCG	-	400.000	-	4.530.693.288	-	-	-	(1.170.693.288)	-	3.360.000.000
- MBB	3.450.000	-	51.844.609.164	-	-	-	(8.719.609.164)	-	43.125.000.000	-
- MDG	-	9.000	-	181.043.575	-	-	-	(132.443.575)	-	48.600.000
- PGS	400.000	-	6.825.113.288	-	-	-	(25.113.288)	-	6.800.000.000	-
- PHC	425.050	664.230	6.051.383.838	8.422.155.342	-	-	(4.308.678.838)	(4.636.044.342)	1.742.705.000	3.786.111.000
- PHT	927.925	1.054.050	10.487.464.723	12.309.010.627	-	-	(4.919.914.723)	(4.509.040.627)	5.567.550.000	7.799.970.000
- PID	250.000	-	2.500.000.000	-	-	-	(750.000.000)	-	1.750.000.000	-
- PVX	54	1.365.654	248.426	20.192.392.183	48.574	-	-	(11.042.510.383)	297.000	9.149.881.800
- PXA	-	50.000	-	600.000.000	-	-	-	(475.000.000)	-	125.000.000
- PXI	-	347.290	-	6.574.054.348	-	-	-	(5.080.707.348)	-	1.493.347.000
- REE	130.000	-	1.979.768.786	-	178.231.214	-	-	-	2.158.000.000	-
- S96	95	18.095	1.001.578	190.774.127	-	-	(602.578)	(93.061.127)	399.000	97.713.000
- SHB	22.231.538	16.723.172	203.084.957.099	188.738.829.037	-	-	(71.918.882.899)	(90.072.114.237)	131.166.074.200	98.666.714.800
- SJS	35.007	-	1.313.030.894	-	-	-	(549.878.294)	-	763.152.600	-
- SSI	360.000	100	5.535.656.084	3.975.924	332.343.916	-	-	(2.605.924)	5.868.000.000	1.370.000
- TSC	200.000	357.110	2.930.658.171	5.314.003.242	-	-	(1.630.658.171)	(671.573.242)	1.300.000.000	4.642.430.000
- VOS	-	505.000	-	5.736.584.847	-	-	-	(3.666.084.847)	-	2.070.500.000
- VRC	2.822.874	3.001.188	43.727.037.833	50.639.908.030	-	-	(28.765.805.633)	(24.529.572.430)	14.961.232.200	26.110.335.600
- VFMVFA	-	503.650	-	5.109.938.164	-	-	-	(2.541.323.164)	-	2.568.615.000
- Các cổ phiếu lẻ khác			142.194.599	366.515.337	1.639.575	41.480.805	(74.600.374)	(122.893.641)	69.233.800	285.102.501



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết			-	154.246.057.044	-	-	-	-	-	154.246.057.044
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	-	820.000	-	10.965.920.044	-	-	-	-	-	10.965.920.044
- Công ty CP Điện Gia Lai	-	200.000	-	2.780.000.000	-	-	-	-	-	2.780.000.000
- Công ty CP Công trình Viettel	-	500.000	-	7.730.000.000	-	-	-	-	-	7.730.000.000
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	-	250.000	-	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	3.100.000	-	81.024.991.000	-	-	-	-	-	81.024.991.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	-	2.850.000	-	40.191.200.000	-	-	-	-	-	40.191.200.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	-	500.000	-	9.050.000.000	-	-	-	-	-	9.050.000.000
- Các cổ phiếu khác				3.946.000	-	-	-	-	-	3.946.000
			341.824.209.736	546.879.387.725	595.388.068	41.480.805	(123.084.686.604)	(172.164.557.585)	219.334.911.200	374.756.310.945



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	351.500.000	-	-	1.554.704.811	1.478.204.811	428.000.000	330.000.000	-	(165.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	351.500.000	-	-	858.500.000	782.000.000	428.000.000	330.000.000	-	(165.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	-	-	-	696.204.811	696.204.811	-	-	-	-
Trả trước cho người bán	9.247.701.828	-	-	87.560.950.623	11.192.957.451	85.615.695.000	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	9.247.701.828	-	-	2.560.950.623	11.192.957.451	615.695.000	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	-	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	23.520.098.997	4.492.916.641	19.027.182.356	-	18.957.182.356	(13.270.027.649)
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	15.602.536	15.602.536	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	23.433.496.461	4.476.314.105	18.957.182.356	-	18.957.182.356	(13.270.027.649)
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	71.000.000	1.000.000	70.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	518.792.022.291	119.217.341.291	-	7.511.005.518.236	7.477.381.534.719	552.416.005.808	336.985.954.589	-	(187.723.311.923)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	31.156.617.857	-	-	3.955.009.536.082	3.954.716.822.463	31.449.331.476	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên	-	-	-	634.859.307.037	528.492.442.482	106.366.864.555	1.983.265.919	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	423.258.078.486	105.538.820.743	-	1.135.170.813.334	1.187.115.463.366	371.313.428.454	303.844.321.036	-	(176.190.762.481)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	19.680.448.177	-	-	1.737.407.358.887	1.747.172.739.791	9.915.067.273	8.808.931.274	-	(1.416.044.139)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.020.000.000	-	-	24.913.414.170	25.113.414.170	820.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.484.662.518	13.678.520.548	-	7.084.441.207	13.088.118.373	20.480.985.352	20.279.922.120	-	(9.480.751.363)
- Phải thu khác	17.192.215.253	-	-	16.560.647.519	21.682.534.074	12.070.328.698	2.069.514.240	-	(635.753.940)
	528.391.224.119	119.217.341.291	-	7.623.641.272.667	7.494.545.613.622	657.486.883.164	337.315.954.589	18.957.182.356	(201.158.339.572)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	108.600.710.442	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	92.557.629.130	108.600.710.442
Số dư cuối năm	<u>201.158.339.572</u>	<u>108.600.710.442</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	108.172.449	80.486.940
	<u>108.172.449</u>	<u>80.486.940</u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	<u>12.188.448.530</u>	<u>12.188.448.530</u>

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho cán bộ Công nhân viên	678.846.394	122.952.473.308
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	64.688.500	61.388.500
	<u>743.534.894</u>	<u>123.013.861.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	12.276.112.214	3.294.576.582	551.863.264	16.122.552.060
Số tăng trong năm	42.589.000	-	200.664.301	243.253.301
- Mua sắm mới	42.589.000	-	200.664.301	243.253.301
Số giảm trong năm	(33.338.950)	-	-	(33.338.950)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	-	-	(11.338.950)
Số dư cuối năm	12.285.362.264	3.294.576.582	752.527.565	16.332.466.411
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	7.998.813.189	1.706.780.747	296.562.170	10.002.156.106
Số tăng trong năm	2.230.461.135	716.359.869	169.916.409	3.116.737.413
- Trích khấu hao	2.230.461.135	716.359.869	169.916.409	3.116.737.413
Số giảm trong năm	(33.338.950)	-	-	(33.338.950)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	-	-	(11.338.950)
Số dư cuối năm	10.195.935.374	2.423.140.616	466.478.579	13.085.554.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	4.277.299.025	1.587.795.835	255.301.094	6.120.395.954
Số dư cuối năm	2.089.426.890	871.435.966	286.048.986	3.246.911.842

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	18.710.729.138	18.710.729.138
Số tăng trong năm	386.112.281	386.112.281
- Mua sắm mới	386.112.281	386.112.281
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	19.096.841.419	19.096.841.419
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	7.964.588.502	7.964.588.502
Số tăng trong năm	3.552.905.044	3.552.905.044
- Trích khấu hao	3.552.905.044	3.552.905.044
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.517.493.546	11.517.493.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	10.746.140.636	10.746.140.636
Số dư cuối năm	7.579.347.873	7.579.347.873

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	64.206.000.000
- Chứng khoán khác			-	2.100.000.000	-	-	-	-	-	2.100.000.000
			64.800.000.000	66.900.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(594.000.000)	45.000.000.000	66.306.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.830.839.546	4.118.331.486
Số tăng trong năm	14.080.597.195	10.540.847.932
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(18.530.622.764)	(7.828.339.872)
Số dư cuối năm	2.380.813.977	6.830.839.546
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.035.910	1.163.625.929
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.812.828.990	1.930.041.186
Chi phí trả trước dài hạn khác	426.949.077	3.737.172.431
	2.380.813.977	6.830.839.546

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.364.377.161	2.111.475.846
Tiền lãi phân bổ trong năm	279.798.369	70.453.721
Số dư cuối năm	2.764.175.530	2.301.929.567

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	1.284.000.000.000	(1.122.000.000.000)	162.000.000.000
- Ngân hàng	-	1.284.000.000.000	(1.122.000.000.000)	162.000.000.000
Nợ ngắn hạn	250.000.000.000	-	(100.000.000.000)	150.000.000.000
	250.000.000.000	1.284.000.000.000	(1.222.000.000.000)	312.000.000.000

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên ⁽¹⁾	42.000.000.000	-
Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽²⁾	120.000.000.000	-
Nợ ngắn hạn (trái phiếu SHS) ⁽³⁾	150.000.000.000	250.000.000.000
	312.000.000.000	250.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1701 - LDS - 201200453 ngày 14/05/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 001 ngày 30/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh ký quỹ chứng khoán và cung cấp các dịch vụ đòn bẩy tài chính cho nhà đầu tư;
 - + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân của từng khế ước;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã chứng khoán SHB) thuộc sở hữu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội với tỉ lệ cho vay theo quy định của Eximbank và các tài sản khác được Eximbank chấp nhận; giá trị tài sản đảm bảo theo biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 05/12/2012 là 108.780.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 080.2012/HDHM - PN/SHB-SHS ngày 14/04/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 001 ngày 30 tháng 07 năm 2012 và các phụ lục kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh ký quỹ chứng khoán;
 - + Thời hạn vay: được quy định cụ thể tại mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm các cổ phiếu Niêm yết và OTC mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đang nắm giữ, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 291.294.000.000 đồng.
 - + Số dư vay tại thời điểm 31/12/2012 là 50.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2812/2012/HĐTD/NH-PN/SHB Hà Nội ngày 28/12/2012 với các điều khoản sau:

- + Số tiền vay: 70.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: từ 31/12/2012 đến 02/01/2013
- + Lãi suất cho vay: 11,74%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán số 1001085133 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- + Số dư vay tại thời điểm 31/12/2012 là 70.000.000.000 đồng.

- (3) Hợp đồng mua Trái phiếu SHS_BOND.350.2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội số 293/2011/SHS/TV-MBTP ngày 30/09/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Công văn số 360/2012/CV - SHAMC1 của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội về việc gia hạn nợ của Hợp đồng trên, với các thông tin chi tiết như sau:

- | | |
|--|--|
| + Loại Trái phiếu | Trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo |
| + Mã trái phiếu | SHS_BOND.350.2011 |
| + Hình thức phát hành | Phát hành riêng lẻ |
| + Hình thức trái phiếu | Bút toán ghi sổ |
| + Giá trị trái phiếu phát hành | 250.000.000.000 VND |
| + Số lượng trái phiếu phát hành | 250 trái phiếu |
| + Mệnh giá trái phiếu | 1.000.000.000 VND/trái phiếu |
| + Giá phát hành | 1.000.000.000 VND/trái phiếu |
| + Kỳ hạn trái phiếu | 1 năm kể từ ngày phát hành |
| + Giá trị trái phiếu đã tất toán trong năm | 100.000.000.000 VND |
| + Giá trị trái phiếu được gia hạn trả nợ | 150.000.000.000 VND |
| + Thời gian gia hạn | 12 tháng (từ 01/10/2012 đến 01/10/2013) |
| + Lãi suất trong thời gian gia hạn | 16,5%/ năm (3 tháng điều chỉnh 1 lần) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	66.856.433	26.315.482
Thuế Thu nhập cá nhân	583.183.887	234.465.618
	650.040.320	260.781.100

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.135.388.958	17.769.900.379
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	402.420.000	690.840.889
Chi phí phải trả khác	2.706.630.818	1.278.994.221
	12.244.439.776	19.739.735.489

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.841.110	35.959.730
Bảo hiểm xã hội	-	6.971.800
Bảo hiểm y tế	-	1.447.158
Bảo hiểm thất nghiệp	-	396.366
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	133.290.359.872	50.405.803.428
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	147.268.297.244	106.035.000.142
Phải trả cổ tức cho cổ đông	317.102.449	338.310.369
Phải trả hợp đồng hợp tác ba bên	106.366.864.555	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.177.210.285	1.740.437.978
	389.441.675.515	158.564.326.971

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	138.881.600	38.297.000
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	164.284.108	184.611.779
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	153.638.724	-
	456.804.432	222.908.779

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	108.232.552.000	5.356.947.980	(1.550.000.000)	5.356.947.980	43.125.266.033	1.160.521.713.993
Tăng vốn trong năm	-	1.500.000	-	-	-	-	1.500.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(381.460.681.253)	(381.460.681.253)
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.063.607.846	-	2.063.607.846	(39.898.408.830)	(35.771.193.138)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(378.233.824.050)	743.291.339.602
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	30.791.360.767	30.791.360.767
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công Ty CP Tập đoàn T&T	123.270.000.000	12,33%	123.270.000.000	12,33%
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Cường	70.645.380.000	7,06%	70.645.380.000	7,06%
Vốn góp của cổ đông khác	641.724.620.000	64,17%	641.724.620.000	64,17%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- Cổ phiếu phổ thông	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	365.883.972.595	225.902.054.093
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	21.221.589.791	8.266.049.010
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	273.263.660.814	81.680.256.888
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2.617.376.868	3.379.742.116
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.358.663.158	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	14.795.834	111.890.266
- Doanh thu khác	67.407.886.130	132.464.115.813
Các khoản giảm trừ doanh thu	(101.754.938)	(17.342.004)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	365.782.217.657	225.884.712.089

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.928.120.760	1.340.559.227
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	115.064.134.040	252.907.300.398
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	280.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn	938.535.821	814.232.520
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.972.579.320	947.122.634
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(29.873.870.981)	94.873.988.836
Chi phí khác	84.795.888.871	80.017.599.805
Chi phí trực tiếp chung	29.485.203.679	30.879.230.812
- Chi phí nhân viên	14.982.947.248	12.897.645.820
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	838.068.072	838.524.173
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.712.785.370	3.826.815.431
- Chi phí khác bằng tiền	9.951.402.989	13.316.245.388
	206.310.591.510	462.060.034.232

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.630.701.138	16.744.710.693
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.250.287.401	1.187.058.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.956.857.087	3.624.130.039
Thuế, phí và lệ phí	249.560.874	50.606.448
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	92.557.629.130	108.600.710.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.184.856.477	8.727.376.082
Chi phí khác bằng tiền	5.109.475.217	6.247.577.017
	128.939.367.324	145.182.169.322

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	106.301.313
- Chi phí không hợp lệ	-	106.301.313
Các khoản điều chỉnh giảm	(447.174.706.074)	(40.631.840.706)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.188.485.428)	(40.631.840.706)
- Chuyển lỗ các năm trước	(421.986.220.646)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.791.360.767	(381.460.681.253)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	308	(3.821)

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2012	01/01/2012
		Giá gốc	Giá gốc
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản			
tương đương tiền	739.501.000.366	-	153.344.465.161
Phải thu khách hàng	428.000.000	(165.000.000)	351.500.000
Phải thu hoạt động			
giao dịch			
chứng khoán	19.027.182.356	(13.270.027.649)	-
Phải thu khác	552.416.005.808	(187.723.311.923)	518.792.022.291
Đầu tư ngắn hạn	341.824.209.736	(123.084.686.604)	546.879.387.725
Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.800.000.000)	66.900.000.000
	1.717.996.398.266	(344.043.026.176)	1.286.267.375.177

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		312.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả người bán		64.893.070	73.073.451
Chi phí phải trả		12.244.439.776	19.739.735.489
Phải trả khác		389.466.675.515	158.589.326.971
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		456.804.432	222.908.779
		714.232.812.793	428.625.044.690

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan nên Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.501.000.366	-	-	739.501.000.366
Phải thu khách hàng	263.000.000	-	-	263.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5.757.154.707	-	-	5.757.154.707
Phải thu khác	364.692.693.885	-	-	364.692.693.885
Đầu tư ngắn hạn	218.739.523.132	-	-	218.739.523.132
Đầu tư dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	1.328.953.372.090	45.000.000.000	-	1.373.953.372.090
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.344.465.161	-	-	153.344.465.161
Phải thu khách hàng	351.500.000	-	-	351.500.000
Phải thu khác	410.191.311.849	-	-	410.191.311.849
Đầu tư ngắn hạn	374.714.830.140	-	-	374.714.830.140
Đầu tư dài hạn	-	66.306.000.000	-	66.306.000.000
	938.602.107.150	66.306.000.000	-	1.004.908.107.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Phải trả người bán	64.893.070	-	-	64.893.070
Chi phí phải trả	12.244.439.776	-	-	12.244.439.776
Phải trả khác	389.441.675.515	25.000.000	-	389.466.675.515
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	456.804.432	-	-	456.804.432
	714.207.812.793	25.000.000	-	714.232.812.793
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
Phải trả người bán	73.073.451	-	-	73.073.451
Chi phí phải trả	19.739.735.489	-	-	19.739.735.489
Phải trả khác	158.564.326.971	25.000.000	-	158.589.326.971
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	222.908.779	-	-	222.908.779
	428.600.044.690	25.000.000	-	428.625.044.690

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Các bộ phận khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21.221.589.791	273.263.660.814	68.028.083.345	3.268.883.707	-	365.782.217.657
Chi phí bộ phận trực tiếp	34.171.880.267	87.301.920.148	174.545.836.086	3.355.665.687	-	299.375.302.188
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	35.874.656.646
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.950.290.476)	185.961.740.666	(106.517.752.741)	(86.781.980)	-	30.532.258.823
Tài sản bộ phận trực tiếp	167.010.204.100	277.966.191.626	434.057.660.517	385.703.760	-	879.419.760.003
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	612.166.964.071
Tổng tài sản	167.010.204.100	277.966.191.626	434.057.660.517	385.703.760	-	1.491.586.724.074
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	134.228.166.199	-	469.051.481.819	1.299.000.000	-	604.578.648.018
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	112.925.375.687
Tổng nợ phải trả	134.228.166.199	-	469.051.481.819	1.299.000.000	-	717.504.023.705

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hội sở	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	349.726.246.824	11.562.303.097	4.493.667.736	365.782.217.657	-	365.782.217.657
Tài sản bộ phận	1.397.453.542.812	76.627.876.732	17.505.304.530	1.491.586.724.074	-	1.491.586.724.074
Nợ phải trả bộ phận	625.628.556.905	61.576.445.611	30.299.021.189	717.504.023.705	-	717.504.023.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ tức nhận được trong kỳ			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	9.186.586.000	1.143.599.400
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	3.000.000.000	1.800.000.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	16.827.333.350	1.455.143.398

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	203.084.957.099	188.738.829.037
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000	64.800.000.000
Phải trả về hợp tác ba bên			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	66.163.914.500	-
Khách hàng ứng trước			
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	50.000.000	50.000.000
Số dư vay và nợ ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	120.000.000.000	-

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	6.268.564.853	6.761.866.085

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31. tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013